

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TP. ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH CHON THÀNH
Số: NB/PACT-ĐĐ4MACH
Dự Thảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN: LỘ RA 110KV TỪ TRẠM 220KV CHON THÀNH (4 MẠCH)

Chủ sử dụng đất:

Ông Nguyễn Văn Dũng

Năm sinh: 1956

Số CCCD/CC:

070056000974

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp:

Cục Cảnh sát
QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú:

Ấp Suối Ngang, xã Nha Bích, thành phố Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; bản nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh/ khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định bản giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai 2026;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 của UBND thành phố Đồng Nai Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn thành phố Đồng Nai năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án lộ ra 110kV từ trạm 220kV Chon Thành (4 mạch), tỉnh Bình Phước tại xã Minh Thành, xã Nha Bích, huyện Chon Thành, tỉnh Bình Phước do Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH làm chủ đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2266/QĐ-EVNSPC ngày 12/7/2019 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Nam về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi ĐTXD công trình: Lộ ra 110kV từ trạm 220kV Chon Thành (4 mạch);

Căn cứ Quyết định số 3336/QĐ-EVNSPC ngày 19/11/2019 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Nam về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình: Lộ ra 110kV từ trạm 220kV Chon Thành (4 mạch);

Căn cứ Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của UBND thị xã Chon Thành về việc phê duyệt mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp thuộc công trình: Lộ ra 110kV từ trạm 220kV Chon Thành (4 mạch) tại xã Minh Thành, xã Nha Bích, huyện Chon Thành, tỉnh Bình Phước (Đối với phần diện tích đất còn lại chưa được phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư);

Căn cứ Công văn số 2445/UBND-TH ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kV thuộc công trình lộ ra 110kV trạm 220kV Chon Thành;

Căn cứ Công văn số 1942/UBND-TH ngày 18/6/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh hướng tuyến đường dây 110kV từ trạm 220kV Chon Thành;

Căn cứ Công văn số 2749/ALĐMN-QLCT ngày 07/6/2023 của Ban Quản lý dự án Lưới điện miền Nam về việc bồi thường cây cối nằm trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện công trình Lộ ra 110kV từ trạm Lộ ra 110kV từ trạm 220kV Chon Thành (4 mạch), tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 09/4/2025 của UBND huyện Chon Thành Kế hoạch bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất Dự án xây dựng công trình: Lộ ra 110kV từ trạm 220kV Chon Thành (4 mạch) tại xã Minh Thành, xã Nha Bích, huyện Chon Thành, tỉnh Bình Phước (Đối với phần diện tích chưa phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thu hồi đất thực hiện theo quy định của Luật đất đai năm 2024);

Căn cứ Công văn 3887/UBND-KTNS ngày 16/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý giá đất để tính bồi thường về đất và áp dụng chính sách hỗ trợ liên quan đến bảng giá đất khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Công văn số 1443/SXD-QLHĐ&VLXD ngày 02/6/2026 của Sở Xây dựng thành phố Đồng Nai về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Đồng Nai tháng 5 năm 2026;

Căn cứ Công văn số 1910/SXD-QLXD ngày 20/6/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước về việc công bố giá các loại vật liệu xây dựng chủ yếu trên địa bàn tỉnh Bình Phước tháng 05/2025;

Căn cứ Báo cáo số 324/BC-STC ngày 08/6/2026 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về tình hình giá thị trường tháng 05 năm 2026;



IV. Vật nuôi:

Loại vật nuôi	ĐVT	Năm nuôi	Tuổi sinh trưởng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	% bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
A	B	C	D	E	F	G	H=E*F*G
Cộng							0

V. Bồi thường chi phí di chuyển:

Nội dung	Số lượng	ĐVT	Đơn giá (đồng)	% bồi thường, hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
A	B	C	D	E	F=B*D*E
Cộng					0

VI. Về hỗ trợ:

Nội dung	Số lượng	ĐVT	Đơn giá (đồng)	% hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
A	B	C	D	E	F=B*D*E
1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 29.5.2025 của UBND thị xã Chơn Thành) (KV Nông thôn-VT1)	Phạm vi 1 390,7	m ²	1.800.000	100%	703.260.000
Tổng tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	390,7				703.260.000
3. Hỗ trợ ổn định đời sống (Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi 6,4%)	1	nhân khẩu	855.000	100%	855.000
Cộng (1)+(2)+(3)+(4)+(5)+(6)					704.115.000

VII. Về khen thưởng:

Nội dung	Số lượng	ĐVT	Đơn giá (đồng)	% hỗ trợ	Thành tiền (đồng)
A	B	C	D	E	F=B*D*E
Cộng					0

VIII. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ theo chính sách Nhà nước quy định:

1. Về đất	435.848.400	đồng
2. Về nhà và công trình	0	đồng
3. Về cây trồng	14.483.100	đồng
4. Về vật nuôi	0	đồng
5. Về chi phí di chuyển	0	đồng
6. Về hỗ trợ	704.115.000	đồng
7. Khen thưởng	0	đồng
Tổng cộng	1.154.446.500	đồng

Bảng chữ: Một tỷ, một trăm năm mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi sáu ngàn, năm trăm đồng chẵn.
Biên bản đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe và thống nhất ký tên./.

THÀNH VIÊN ÁP GIÁ

.....
.....
.....
.....
.....
.....

NGƯỜI KIỂM TRA

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUÝ ĐẤT
CHI NHÁNH CHƠN THÀNH
GIÁM ĐỐC

